TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137**/2025/HC-PT

Ngày: 10/9/2025

V/v: "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Phùng Anh Dũng**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Trịnh Thị Hằng**, Thẩm tra viên chính Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 80/2025/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2025/HC-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 513A/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nông Văn D, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Phạm Hữu H, sinh năm 1997; địa chỉ: 5 Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (nay là 5 Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E**, tỉnh Đắk Lắk**

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt người đại diện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vi Thị N1, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã C**,** huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt người đại diện.

3. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp huyện E

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phi T, Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: số B N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là số B N, xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

* *Người kháng cáo*: người khởi kiện ông Nông Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện ông Nông Văn D ***và người đại diện theo ủy quyền ông*** Phạm Hữu H ***trình bày:***

Vào tháng 5/2024, ông D nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2024, ông D đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thi công công trình nêu trên, cụ thể là việc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của ông D nhưng UBND Huyện E không ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm và nhận hồ sơ (Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất).

Từ ngày 19/6/2024 - 3/7/2024, Ủy ban nhân dân huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật.

Ngày 22/8/2024, UBND xã C ban hành quyết định xác nhận nguồn gốc đất cho ông D là người bị thu hồi các thửa đất số 141 tờ bản đồ số 10, thửa đất số 65, 33, 38, 39 tờ bản đồ số 9 thuộc thôn F, C, E, Đắk Lắk để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ông D khởi kiện với các yêu cầu: thứ nhất, ông D đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định thu hồi đất để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với các thửa đất của ông D. Vì diện tích đất trên của ông D đã được khai phá, canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của

gia đình, nên việc thu hồi đất của ông D để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình ông Dương L vào tình trạng vô cùng khó khăn trong việc ổn định cuộc sống và canh tác.

Thứ hai, nếu thu hồi đất đối với các thửa đất số 141 tờ bản đồ số 10, thửa đất số 65, 33, 38,39 tờ bản đồ số 9 thì phải bồi thường cho gia đình ông D theo quy định pháp luật, cụ thể vì những căn cứ sau:

Hộ gia đình ông D từ Cao Bằng chuyển vào địa phương xã C vào khoảng cuối năm 1996 đầu năm 1997 (việc này đã được cơ quan Công an xác nhận) để khai phá đất và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Hộ gia đình ông D là hộ nghèo vào năm 2001, trực tiếp sản xuất nông nghiệp và dựa vào sản xuất nông nghiệp để sống, không có ngành nghề gì khác.

Các thửa đất nêu trên được gia đình ông D khai phá vào năm 1996 và canh tác ổn định từ đó cho đến nay, việc khai phá và sử dụng ổn định có các minh chứng sau: hộ ông D có làm chòi trông rẫy vào năm 2000, khoan giếng năm 2002, trồng cây điều vào năm 1998, trồng cây cà phê vào năm 2003 và trồng nhiều cây khác. Việc thời điểm tạo lập cây trồng và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định như sau: có những cây điều gia đình ông D canh tác rất tốt nên được cơ quan chuyên môn xác định chất lượng là loại A, cụ thể là 248 cây điều trồng năm 1998 loại A, 669 cây cà phê trồng năm 2003 loại A..... (theo biên bản kiểm đếm ngày 28/6/2024). Việc khai phá đất và sử dụng ổn định lâu dài của gia đình ông D còn được trưởng thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kì làm chứng. Ông D sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên của gia đình ông D là khai hoang vào năm 1996 và sử dụng ổn định đến nay. Nên khi nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình ông D theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm đất thì căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

Tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

Tại điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã quy định: trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N2, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở; không có tranh chấp và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại diểm a khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định "Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất." nên khi nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất được bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai.

Và có một số tài sản trên đất được gia đình ông D tạo lập sau năm 2013, đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này cho ông D. Vì ông D không nhận được thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E nên không biết diện tích đất ông D bị thu hồi. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 49 Luật đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố kế hoạch điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chính, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của ông D cũng phải được bồi thường.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, ông D nhận được Quyết định số 279/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc thu hồi đất; Quyết

định số 278/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T2 tại xã C, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ ông D lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 530.920.579 đồng.

Việc không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông D.

Chính vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, ông D khởi kiện yêu cầu cụ thể như sau:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn D.

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 và hủy bỏ một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn D.

- Buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật đối với hộ ông Nông Văn D.

- Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E***, ông*** Lê Đình C ***trình bày:***

I. Về Trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất: UBND huyện thực hiện đúng, đủ quy trình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

II. Về việc bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ các chế độ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề nghiệp đối với hộ ông Nông Văn D:

1. Nguồn gốc đất: Căn cứ theo xác nhận số 17/GXN-UBND ngày 16/11/2022 của UBND xã C xác nhận đối với hộ ông Nông Văn D thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lấn, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND

ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty TNHH MTV L thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

2. Căn cứ bồi thường về đất Căn cứ Điều 82 của Luật đất đai năm 2013:

"Điều 82. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất đây: Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;"

Tại điều 64 của Luật đất đai năm 2013 quy định:

"Điều 64. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:

a) Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

b) Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất;

c) Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

d) Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

e) Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

g) Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

h) Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;

i) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiên sử

dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng."

Đất của hộ ông Nông Văn D đang sử dụng thuộc khoản đ, điều 64 của luật đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất.

2. Căn cứ về bồi thường tài sản gắn liền với đất

Căn cứ điều 92 của Luật đất đai năm 2013:

"Điều 92. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng."

Tài sản gắn liền với đất của hộ ông Nông Văn D thuộc khoản 1, điều 92 của Luật đất đai năm 2013 nên không được bồi thường.

3. Căn cứ về hỗ trợ ổn định đời sống Căn cứ khoản 2, điều 19, Nghị định 47/2014/NĐ-CP:

"2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại các Điều 100, 101 và 102 của Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này;

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất."

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Nông Văn D có nguồn gốc lấn chiếm đất của công ty TNHH MTV L không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này trường hợp

Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;

b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương."

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Nông Văn D không đủ điều kiện được bồi thường hỗ trợ theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên việc ông Nông Văn D buộc UBND huyện E ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

- Ủy ban nhân dân xã C *trình bày:*

1. Nguồn gốc sử dụng đất của khu vực Khu cánh đồng màu thuộc dự án Hồ C thuộc thôn D, thôn F, xã C:

Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH M hạng mục điểm tái định cư số 1 Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C là 2.741.492 m².

Nguồn gốc sử dụng của khu đất thực hiện công trình Khu trồng màu thuộc Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ- UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường E thuê 137.935.686m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. (Tiền thân của Lâm trường

Ea K là Xí nghiệp L1 được thành lập theo Quyết định số 749/QĐ-UB ngày 28/6/1986 của UBND tỉnh Đ).

2. Ý kiến, quan điểm của UBND xã C đối với việc nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất đối với ông Nông Văn D:

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã thì các thửa đất thu hồi của hộ gia đình ông Nông Văn D (các thửa đất số 65, 33, 38, 39 mảnh trích đo số 09-2022 và thửa 141 mảnh trích do số 10-2022) đều thuộc thửa đất số 105 tờ bản đồ số DC02 (Theo Trích lục bản đồ địa chính số 112/TLVPĐKQSDĐ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/4/2008) do Công ty TNHH M quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường E thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp (Diện tích trên địa bàn xã C là 37.206.758 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204409, thời hạn sử dụng đất từ 15/10/1993 đến 15/10/2043).

- Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH M hạng mục điểm tái định cư số 1 - Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C là 2.741.492 m² Thông báo thu hồi đất nên chủ sử dụng đất hợp pháp là Công ty TNHH M.

Theo quy định tại khoản 1, điều 7, Luật đất đai năm 2013 về người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất; Quy định tại khoản 1, điều 7 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại mục 3, Công văn số 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Đ để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; Mục 1,10 Công văn số 8370/UBND-NNMT ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh thì Công ty TNHH M đã được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp, do đó thời điểm hộ gia đình ông Nông Văn D lấn, chiếm đất để sử dụng phải căn cứ trên cơ sở xác nhận thời điểm lấn, chiếm của Công ty TNHH MTV L.

Bên cạnh đó trong hồ sơ kiểm đếm của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện E gửi đến kèm theo Công văn đề nghị xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất của hộ gia đình ông Nông Văn D (theo quy định tại điều 12, Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 thì Trung tâm Phát triển Quỹ đất chuyển hồ sơ kiểm đếm đến UBND xã). Thì hộ gia đình ông Nông Văn D không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại điều 100, luật đất đai năm 2013 và điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Do đó, Ủy ban nhân dân xã C căn cứ Công văn số 63/CV-Cty ngày 07/11/2022 của Công ty TNHH MTV L cung cấp và theo quy định điểm b, tại khoản 2, điều 3, nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ UBND xã đã xác nhận hộ gia đình ông Nông Văn D lấn, chiếm đất Công ty TNHH MTV L năm 2009 (không có hồ sơ, tài liệu thể hiện nội dung này).

Trên đây là nội dung Công văn của Ủy ban nhân dân xã C về cung cấp tài liệu và căn cứ xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đối với ông Nông Văn D đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk thực hiện theo quy định.

- Người *đại diện theo pháp luật* Công ty TNHH MTV L *ông* Nguyễn Phi T *trình bày:*

I. Về Trình tự, thủ tục chia sẽ thông tin thửa đất: Công ty TNHH MTV L thực hiện đúng, đủ theo quy định pháp luật.

II. Về việc chia sẽ thông tin về đất, tài sản gắn liền với đất.

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L thuê 137.935.686m² đất và cấp giấy CNQSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp;

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sự dụng đất số: AM204409 ngày 18/07/2008 của UBND tỉnh Đ;

Căn cứ công văn số: 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2022 về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng dự án Hồ C tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 9601/UBND-NNMT ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh Đ về việc công tác giải phóng mặt bằng dự án Hồ C trên địa bàn huyện E;

Căn cứ công văn số 63/Cty ngày 07/11/2022 về việc Cung cấp thông tin phục vụ công tác bồi thường, GPMB công trình khu Tái định cư số 1 (Khu trồng màu) thuộc dự án Hồ C tại xã C, huyện E.

Về việc hộ gia đình lấn chiếm đất để sản xuất nông nghiệp Công ty căn cứ các hồ sơ liên quan hiện có tại công ty và quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM204409 ngày 18/07/2008. Về việc nhắc nhở, báo cáo sự việc phía công ty chưa thiết lập hồ sơ xử lý và lưu trữ tại công ty phần diện tích này năm 2018 công ty đã rà soát và dự kiến trả về địa phương quản lý. Công ty đã phối hợp với các ban ngành và UBND xã cư Elang về việc chia sẽ thông tin thửa đất cũng như kết hợp xác minh thời điểm sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2025/HC-ST ngày 25/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều

32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính; các Điều 66, 67, 69, 75, 82, 83, 92 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 39 Luật đất đai năm 2003; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ và Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND; Công văn số 2309/UBND-NNMT, ngày 18/3/2020 và Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn D về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn D.

- Hủy một phần Quyết định số: 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn D.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải bổ sung phương án hỗ trợ đối với đất và tài sản trên đất kể cả các tài sản được tạo lập sau khi có Thông báo số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 của UBND huyện E và trước ngày kiểm đếm, ngày 25/8/2022 đối với hộ ông Nông Văn D đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn D1 về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, phần nội dung thu hồi liên quan đến gia đình ông Nông Văn D.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn D về việc Buộc UBND huyện E phải hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/7/2025, người khởi kiện ông Nông Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nông Văn D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: ngày 07/7/2025, người khởi kiện ông Nông Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nông Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T2 tại xã C, huyện E, Tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn D. Tháng 5/2024, ông D nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 14/6/2024, ông D đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại. Từ ngày 19/6/2024 đến ngày 3/7/2024, Ủy ban nhân dân huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật; ngày 22/8/2024, Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định xác nhận nguồn gốc đất. Ngày 10/12/2024 ông Nông Văn

D nộp đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

Người khởi kiện kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn D.

Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét các nội dung sau:

[2.1]. Đối với yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022, về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (*khu trồng màu*) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc thượng tại xã C, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu được bồi thường 100% đối với diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Nông Văn D:

Ngày 18/7/2008, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1773/QĐ-UBND cho Công ty TNHH MTV L thuê 137.935.686m^2, đồng thời cấp GCNQSDĐ cho Công ty E với diện tích 37.206.758m^2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk có thời hạn sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043. Để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (*khu trồng màu*), thuộc Dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, ngày 23/12/2022 UBND huyện E ban hành Quyết định số 279/QĐ-UBND về việc thu hồi 282.717,5m^2 đất của Công ty TNHH MTV L, vị trí thửa đất tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trong diện tích đất bị thu hồi trên có các thửa đất số 65, 141, 39, 33, 38 tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) do hộ ông Nông Văn D đang sử dụng.

Ông Nông Văn D cho rằng các thửa đất ông đang sử dụng bị thu hồi do gia đình ông khai hoang từ năm 1996, sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh và không được chính quyền địa phương xác nhận. Tuy nhiên, tại Giấy kết quả xác nhận nguồn gốc đất số 17/GXN-UBND ngày 16/11/2022 và số 20/GXN-UBND ngày 26/08/2024 của UBND xã C xác định các thửa đất số 65, 141, 39, 33, 38 do hộ ông Nông Văn D sử dụng lấn chiếm đất lâm nghiệp, đồng thời thể hiện ông D là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên các thửa đất này; trong đó, thửa đất số 39, 65 hộ ông D sử dụng từ năm 2004. Mặt khác, tại bản khai nhân khẩu xác định hộ ông Nông Văn D đã sinh sống từ năm 1997 tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2009 thì được cấp hộ khẩu. Như vậy, có căn cứ xác định, hộ ông Nông Văn D đã sử dụng ổn định liên tục diện tích các thửa đất trên từ trước ngày 01/7/2004 đến khi bị thu hồi, không có ai tranh chấp. Việc hộ ông D sử dụng diện tích đất bị thu hồi do lấn chiếm mà không bị xử phạt vi phạm hành chính là do sự thiếu quản lý của các cơ quan có thẩm quyền nên ông D không đủ điều kiện

được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà chỉ được hỗ trợ về giá đất khi bị thu hồi.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nông Văn D cho rằng gia đình ông không biết, không nhận được Thông báo số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện E về chủ trương thu hồi đất để xây dựng điểm tái định cư số 01 tại xã C, đến thời điểm kiểm đếm tài sản lần đầu ngày 25/8/2022, hộ ông D mới biết đất bị thu hồi. Trong khi đó, Ủy ban nhân dân huyện E cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc có gửi Thông báo số 140 cho hộ ông D và Công ty E.

Với các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E, buộc Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải bổ sung phương án hỗ trợ đối với đất và tài sản trên đất kể cả các tài sản được tạo lập sau khi có Thông báo số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 của UBND huyện E và trước ngày kiểm đếm, ngày 25/8/2022 đối với hộ ông Nông Văn D đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Theo đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023, UBND huyện E bổ sung hỗ trợ về đất cho hộ ông Nông Văn D 50% về giá đất là không đúng quy định của pháp luật, mà phải hỗ trợ cho hộ ông Nông Văn D bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định là thoả đáng, phù hợp quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, thu hồi diện tích 282.717,5m^2 đất của Công ty TNHH MTV L, trong đó có diện tích đất hộ ông Nông Văn D đang sử dụng. Quyết định nêu trên được ban hành đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền. Việc thu hồi các thửa đất của hộ ông Nông Văn D nhằm phục vụ cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng theo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, nội dung khởi kiện yêu cầu hủy một phần quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (*khu trồng màu*) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc thượng tại xã C, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk của ông Nông Văn D là không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của người khởi kiện.

[2.2]. Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Theo quy định tại các Điều 75, Điều 82 Luật đất đai năm 2013 và như nhận định tại mục **[2.1]** nêu trên của bản án, đất của ông Nông Văn D không đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk

Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì hộ ông Nông Văn D được hỗ trợ 80% giá đất.

Như vậy, hộ ông D không được bồi thường về đất bị thu hồi mà chỉ được hỗ trợ về giá đất nên không đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Nông Văn D là đúng quy định, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Nông Văn D.

[3]. Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện vụ án; nhận định và đánh giá chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn D.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nông Văn D là người cao tuổi nên được miễn.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Nông Văn D. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2025/HC-ST ngày 25/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Nông Văn D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên